

R

BỘ THƯƠNG MẠI
ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ
MÃ SỐ: 2002 - 78 - 010

NHỮNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
HỖ TRỢ XUẤT KHẨU CHỦ YẾU ĐỐI VỚI
DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở VIỆT NAM

Cơ quan quản lý: Bộ Thương mại

Cơ quan chủ trì thực hiện: Viện nghiên cứu thương mại

Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Thanh Mai

Các thành viên : TS. Lê Thiên Hạ

TS. Nguyễn Thị Hương

ThS. Hà Thị Ngọc Oanh

ThS. Vũ Anh Dũng

ThS. Trương Minh Thành

CN. Võ Viết Lai

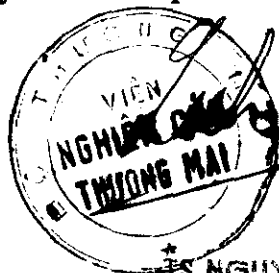
VIỆN NGHIÊN CỨU THƯƠNG MẠI

VIỆN TRƯỞNG

Cơ quan quản lý

Cơ quan chủ trì

Chủ tịch hội đồng nghiệm thu



TS. NGUYỄN VĂN LỊCH

HÀ NỘI, 9 - 2003

4887

19/7/04

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
<u>CHƯƠNG 1</u>	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ XUẤT KHẨU	3
1. KHÁI NIỆM VỀ DỊCH VỤ VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ XUẤT KHẨU	
1.1. Khái niệm về dịch vụ	3
1.2. Khái niệm về dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu	5
2. VAI TRÒ CỦA DỊCH VỤ NÓI CHUNG VÀ DV HỖ TRỢ XK NÓI RIÊNG ĐỐI VỚI DNV&N	7
2.1 Vai trò và xu hướng phát triển của DV và DV hỗ trợ XK trong phát triển kinh tế ở các quốc gia trên thế giới	7
2.2. Vai trò của các DV hỗ trợ XK đối với DNV&N	9
3. PHÂN LOẠI DV HỖ TRỢ XUẤT KHẨU, CƠ SỞ LỰA CHỌN VÀ NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA CÁC DV HỖ TRỢ XK CHỦ YẾU	12
3.1. Phân loại DV và DV hỗ trợ XK	12
3.2. Cơ sở lựa chọn các DV hỗ trợ XK chủ yếu cho DNV&N ở Việt Nam - vai trò và những nội dung cụ thể của nó	16

4. KINH NGHIỆM THỰC TIỄN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VỀ PHÁT TRIỂN DV HỖ TRỢ XK CHO DNV&N VÀ KHẢ NĂNG THAM KHẢO VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM 25

4.1. Thực tiễn phát triển các DV hỗ trợ XK nói chung và cho DNV&N nói riêng ở một số quốc gia trên thế giới 25

4.2. Một số kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới có thể tham khảo, vận dụng ở Việt Nam 35

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN MỘT SỐ DV HỖ TRỢ XUẤT KHẨU CHỦ YẾU ĐỐI VỚI DNV&N Ở VIỆT NAM 37

1. VAI TRÒ CỦA DNV&N Ở VIỆT NAM TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÓI CHUNG VÀ TRONG PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU NÓI RIÊNG.

1.1. Vai trò của DNV&N trong phát triển kinh tế 37

1.2. Vai trò và những lợi thế của DNV&N trong phát triển XK 39

1.3. Thực trạng tham gia của DNV&N vào phát triển XK. 40

2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA MỘT SỐ DV HỖ TRỢ XK CHỦ YẾU ĐỐI VỚI CÁC DNV&N 41

2.1. Dịch vụ tài chính 41

2.2. Dịch vụ vận tải và hỗ trợ vận tải hàng XK 50

2.3. Dịch vụ cung cấp thông tin hỗ trợ XK 61

2.4. Dịch vụ tư vấn, đào tạo nâng cao trình độ quản lý và nghiệp vụ XK 67

**3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HẠN CHẾ CỦA CÁC DV HỖ TRỢ
XK CHỦ YẾU CHO DNV&N VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ** 76

3.1. Hạn chế 76

3.2. Một số nguyên nhân cơ bản của những hạn chế trên 77

CHƯƠNG 3

**CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DV HỖ TRỢ XUẤT KHẨU CHỦ
YẾU CHO DNV&N TRONG GIAI ĐOẠN TỚI** 81

**1. TỰ DO HOÁ THƯƠNG MẠI VÀ HỘI NHẬP - CƠ HỘI, THÁCH
THỨC CHO PHÁT TRIỂN XK CỦA DNV&N VIỆT NAM VÀ NHỮNG
VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HỖ TRỢ XK**

1.1. Ảnh hưởng của xu thế tự do hoá thương mại và hội nhập đối
với hoạt động XNK của các DNV&N ở Việt Nam. 81

1.2. Những vấn đề đặt ra cho việc phát triển các DV hỗ trợ XK
cho DNV&N trong giai đoạn mới hiện nay. 84

**2. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DV HỖ TRỢ XK
TRONG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2010 :** 86

2.1. Quan điểm 86

2.2. Định hướng phát triển các DV hỗ trợ XK cho DNV&N giai
đoạn đến năm 2010. 87

**3. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HỖ TRỢ XUẤT KHẨU
CHỦ YẾU CHO DNV&N Ở VIỆT NAM** 89

3.1. Một số giải pháp cụ thể để phát triển cung cầu cho từng DV
hỗ trợ XK chủ yếu đối với DNV&N 89

3.2. Một số kiến nghị và giải pháp chung nhằm tạo lập khuôn khổ pháp lý thuận lợi và những điều kiện kinh tế kỹ thuật cần thiết để phát triển DV hỗ trợ XK cho DNV&N trong thời gian tới	105
Kết luận	119

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT:

Cty	Công ty
DN	Doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DNV&N	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
KD	Kinh doanh
NHNN&PTNT	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHNN	Ngân hàng nhà nước
SX	Sản xuất
TMĐT	Thương mại điện tử
XNK	Xuất nhập khẩu
<u>Tiếng Anh</u>	
AFTA (Asian Free Trade Area)	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN
CPC (Central product classification)	Cách Phân loại Sản phẩm Trung tâm
GATS (General Agreement on trade in services)	Hiệp định chung về thương mại dịch vụ
GDP (Gross Domestic Products)	Tổng sản phẩm quốc nội
VCCI (Vietnam Chamber of Commrce and Industry)	Phòng thương mại công nghiệp Việt Nam
WTO (World Trade Organnization)	Tổ chức thương mại thế giới

MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, SX và kinh doanh hàng XK của Việt Nam đã đạt được những thành tích đáng kể, tốc độ tăng trưởng kim ngạch XK bình quân hàng năm giai đoạn 1991-2000 đạt 19,6%, kim ngạch XK năm 2001 đạt trên 15 tỷ USD, thị trường XK được mở rộng, mặt hàng XK ngày càng phong phú. Để đạt được những thành tích đó, bên cạnh một loạt các chính sách và giải pháp quan trọng như: tập trung đầu tư vốn, đổi mới công nghệ, củng cố các tổng công ty, các DN lớn của nhà nước, xây dựng các khu công nghiệp tập trung, các khu chế xuất, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo ra các cơ sở SX hàng XK có quy mô lớn, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm đáng kể đến việc hỗ trợ và khuyến khích các DNV&N tham gia vào SX&KD hàng XK. Đó chính là một chính sách và là một giải pháp rất cần thiết, phù hợp với nền kinh tế quá độ, tồn tại nhiều thành phần kinh tế hiện nay ở nước ta. Bởi lẽ, các DNV&N bao gồm cả DN quốc doanh và ngoài quốc doanh chiếm tới 88,2% tổng số DN của cả nước, thu hút hơn 90% lao động xã hội, thực hiện 78% tổng mức bán lẻ xã hội, 64% tổng khối lượng hàng hoá luân chuyển. Trong một số ngành SX như SX đồ mộc, sành sứ, chiếu cói, mây tre đan, giày dép, mỹ nghệ, rau quả, nuôi trồng thuỷ sản, DNV&N chiếm gần 100% sản phẩm. Trong SX&KD hàng XK, các DNV&N với nhiều hình thức tổ chức, nhiều phương thức và lĩnh vực hoạt động khác nhau, góp phần làm đa dạng hoá các ngành nghề, mặt hàng XK, đồng thời có thể khai thác tối đa lợi thế và nguồn lực từ nhiều vùng SX, nhiều thành phần kinh tế trong xã hội. Mặt khác, DNV&N với khả năng thích ứng và linh hoạt cao, rất có lợi thế để có thể tham gia vào nhiều loại hình thị trường và luồn lách các thị trường ngách một cách thuận lợi. Trong điều kiện nguồn lực về tài chính và công nghệ còn hạn chế, lực lượng DNV&N đông đúc và đa dạng của nước ta chính là một lợi thế, một đặc thù riêng để phát triển một số ngành nghề, mặt hàng XK thiên về sử dụng kỹ năng và lao động sống, đồng thời ít phải huy động vốn lớn và công nghệ đắt tiền như các mặt hàng mây tre đan, chiếu cói, hàng thủ công mỹ nghệ, may mặc, giày dép, gia công lắp ráp hàng XK. Nếu phát huy tốt, các DN này sẽ góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kim ngạch XK trong những năm tới.

Mặc dù có vai trò quan trọng như vậy, nhưng hiện nay các DNV&N đang đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức sống còn khi Việt Nam tham gia đầy đủ vào quá trình hội nhập khu vực và thế giới. Tình trạng SX&KD của các DNV&N còn manh mún, phân tán, thiếu ổn định; năng lực, trình độ của đội ngũ quản lý, chỉ đạo và tác nghiệp KD còn hạn chế; thiết bị, cơ sở vật chất và công nghệ lạc hậu. Bên

cạnh những khó khăn và hạn chế của chính bản thân DNV&N, một nguyên nhân rất quan trọng làm cho các DN này ít phát huy được vai trò của mình, đó là thị trường cung ứng các DV hỗ trợ KD nói chung và hỗ trợ XK nói riêng còn kém phát triển. Mặt khác trong việc tổ chức cung ứng các DV này vẫn còn tình trạng độc quyền và phân biệt đối xử đối với các DNV&N. Vì vậy nhiều loại chi phí đầu vào cho quá trình SX&KD hàng XK của các DN này như: như chi phí huy động vốn, chi phí về thông tin liên lạc, chi phí tiếp thị quảng cáo, chi phí giao nhận vận tải... còn rất cao, thiếu sức cạnh tranh. Đó là vấn đề nổi cộm và bất cập mà chính phủ, các ngành, các cơ quan thực hiện các DV hỗ trợ XK đang quan tâm tìm giải pháp tháo gỡ. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và tìm ra những giải pháp phát triển các DV hỗ trợ XK đối với các DNV&N trong giai đoạn hiện nay là hết sức cấp thiết. Đề tài "**Các giải pháp phát triển DV hỗ trợ XK chủ yếu đối với DNV&N ở Việt Nam**" nhằm góp phần giải quyết những vấn đề đặt ra ở trên.

Mục tiêu nghiên cứu

- Từ việc phân tích một số vấn đề lý luận cơ bản về các DV hỗ trợ XK và đánh giá thực trạng phát triển, đánh giá mức độ tác động, mức độ hỗ trợ XK của các DV này đối với DNV&N của Việt Nam trong thời gian qua để nghiên cứu giải pháp và kiến nghị chính sách phát triển các DV này đối với các DNV&N ở Việt Nam trong thời gian tới.

Đối tượng nghiên cứu: Các DV hỗ trợ XK cho DNV&N ở Việt Nam và các giải pháp nhằm phát triển một số DV chủ yếu thời gian tới.

Phạm vi nghiên cứu: DV là một lĩnh vực rất rộng, nhưng do những hạn chế nhất định về thời gian và các điều kiện khác, nên phạm vi nghiên cứu của đề tài này chỉ tập trung vào một số DV hỗ trợ chủ yếu và thiết thực cho DNV&N ở Việt Nam trong hoạt động XK như DV cung cấp thông tin hỗ trợ XK; DV tài chính, tín dụng; DV vận tải và hỗ trợ vận tải hàng XK; DV tư vấn và đào tạo nâng cao trình độ quản lý và nghiệp vụ kinh doanh XK.

Thời gian nghiên cứu: Đánh giá thực trạng các DV hỗ trợ XK trong giai đoạn từ 1996 đến nay và đưa ra định hướng, giải pháp phát triển cho thời kỳ tới 2010.

Phương pháp nghiên cứu

- Khảo sát thực tế
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp thống kê, phân tích và tổng hợp

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ

DỊCH VỤ HỖ TRỢ XUẤT KHẨU

1. KHÁI NIỆM VỀ DỊCH VỤ VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ XUẤT KHẨU

1.1. Khái niệm về dịch vụ

Điểm khác biệt cơ bản giữa SX hàng hoá với SX tự cung tự cấp đó là xuất hiện sự trao đổi, mua bán, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng các loại phương tiện, vật dụng, tài sản, sức lao động, giữa người này qua người khác, giữa vùng này qua vùng khác, giữa quốc gia này qua quốc gia khác. SX hàng hoá càng phát triển, hàng hoá càng đa dạng, càng nhiều công năng, tác dụng và phức tạp. Nó đòi hỏi phải sử dụng nhiều loại nguyên nhiên vật liệu, nhiều loại công cụ, máy móc, phương tiện và trải qua nhiều quá trình, công đoạn SX khác nhau, đó chính là cơ sở cho sự ra đời cho hàng loạt các DV cung ứng các yếu tố đầu vào và đầu ra cho các quá trình sản xuất hàng hoá. Đồng thời, SX hàng hoá phát triển đã thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của con người, nhu cầu cho tiêu dùng và sinh hoạt ngày càng phong phú, đòi hỏi quá trình lưu thông, trao đổi, mua bán ngày càng phức tạp, cường độ thực hiện ngày càng cao. Một người, một chủ thể kinh tế, thậm chí một quốc gia khó có thể SX đầy đủ các loại hàng hoá, vật dụng đáp ứng yêu cầu của cuộc sống, đồng thời cũng không tự mình phục vụ cho tất cả nhu cầu về sản xuất kinh doanh, nhu cầu về đời sống và sinh hoạt được, hoặc có thể SX nhưng không hiệu quả, có thể tự phục vụ nhưng không thoã mãn nhu cầu và chi phí cao. Trong quá trình đó, xuất hiện một loạt các hoạt động của các chủ thể khác nhằm cung cấp nhân lực, thu gom và cung ứng nguyên nhiên vật liệu, cung cấp phương tiện, công nghệ, cung ứng vốn, cung cấp mặt bằng SX, cung cấp thông tin, tư vấn về kỹ thuật, nghiệp vụ và quản lý, đại lý tiêu thụ hàng hoá, đáp ứng các nhu cầu về tiêu dùng và sinh hoạt, các nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần... Các hoạt động lấy việc hỗ trợ, cung ứng, thoã mãn cho quá trình SX lưu thông hàng hoá, lấy việc đáp ứng các nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần này để KD và thu lợi nhuận, đó chính là những DV. *Như vậy DV ra đời là do yêu cầu của sản xuất hàng hoá phát triển ở mức độ cao, là kết quả của phân công lao động xã hội và chuyên môn hoá sản xuất kinh doanh*

Tuy nhiên để đưa ra một định nghĩa trọn vẹn đầy đủ là rất khó, đặc biệt khi mà công nghệ thông tin ngày càng phát triển làm cho những cách hiểu truyền thống trong nhiều trường hợp cũng không còn chính xác. Tùy theo, từng giai đoạn phát triển mà DV có những cách hiểu khác nhau

Khi nghiên cứu về "phương thức SX Tư bản chủ nghĩa", C.Mác cho rằng: "DV là con đẻ của nền kinh tế SX hàng hóa, khi mà kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, đòi hỏi mọi sự lưu thông, trôi chảy, thông suốt, liên tục để thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của con người thì DV phát triển"

Vào cuối thế kỷ 20, DV đã trở thành một trong những ngành quan trọng và có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau về nó. Dưới đây là hai khái niệm về DV được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Theo nghĩa rộng: DV là khái niệm chỉ toàn bộ các hoạt động mà kết quả của chúng không tồn tại dưới dạng hình thái vật thể. Hoạt động DV bao trùm lên tất cả các lĩnh vực với trình độ cao, chi phối rất lớn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của từng quốc gia, khu vực nói riêng và toàn thế giới nói chung. DV không chỉ bao gồm những lĩnh vực truyền thống như: vận tải, du lịch, thương mại ngân hàng, bưu điện, bảo hiểm, truyền thông liên lạc mà DV còn lan tỏa đến khu vực rất mới như: bảo vệ môi trường, DV văn hóa, DV hành chính, tư vấn pháp luật, tư vấn tình cảm... [8]

Theo nghĩa hẹp: DV là một công việc cho người khác hay cộng đồng, là một việc mà hiệu quả của nó đáp ứng nhu cầu nào đó của con người như: vận chuyển, cung ứng nước, đón tiếp, sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị máy móc hay công trình... [8]

Trong những năm gần đây, các công trình nghiên cứu trong nước cũng đã đề cập nhiều về DV. Trong sách tham khảo "*Giải thích thuật ngữ Kinh tế đối ngoại KD*" của Nguyễn Thế Kỷ - Phạm Mạnh Khôi định nghĩa DV như sau: DV (Services) là kết quả của hoạt động SX mà không đem lại một sản phẩm vật chất, nhưng đem lại một lợi ích có giá trị kinh tế: thương mại, săn sóc sức khỏe, du lịch, quản trị hành chính v.v... về phương diện kinh tế, người ta thường nói sự SX ra hàng hóa và DV [16]. Hay: "DV là những hoạt động lao động mang tính xã hội, tạo ra các sản phẩm không tồn tại dưới hình thái vật chất, không dẫn đến việc chuyển quyền sở hữu nhằm thỏa mãn kịp thời các nhu cầu SX và đời sống sinh hoạt của con người" [8].

Như vậy cho đến nay trên thế giới cũng như ở trong nước đã có nhiều quan điểm và có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau về DV, tuy chưa có một quan điểm